

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT G-LINK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT G-LINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G-LINK TRADING AND TECHNICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110717706

3. Ngày thành lập: 16/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, ngách 64/138, đường Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969717993

Fax:

Email: tnhhglink@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
6.	Bán buôn thực phẩm (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4632
7.	Bán buôn đồ uống (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4633
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ đấu giá hàng hóa - Trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ) (Trừ Kinh doanh dược phẩm)	4649

9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ đấu giá hàng hóa – trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ đấu giá hàng hóa – trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ đấu giá hàng hóa - Trừ bán buôn thiết bị y tế)	4659(Chính)
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá hàng hóa – trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4669
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận sự ủy thác của việc Xuất, nhập khẩu về hàng hóa	8299
14.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. (Trừ hoạt động giáo dục tôn giáo và hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể)	8559
15.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
20.	Lập trình máy vi tính (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
24.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312
25.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế công trình viễn thông; - Tư vấn thiết kế phòng chống mối	7110

27.	Quảng cáo (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	7310
28.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ thám tử, điều tra)	7320
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về chuyển giao công nghệ;	7490
31.	Bán buôn tổng hợp (Trừ đấu giá hàng hóa – trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4690
32.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
35.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
37.	In ấn (Trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động in ấn bao bì)	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	1812
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất	2512
41.	Sản xuất linh kiện điện tử (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	2620
43.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
44.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
45.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
46.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
47.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

48.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
52.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá hàng hóa – trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4791
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động liên quan đến cảng hàng không)	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm dịch vụ quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm dịch vụ quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm dịch vụ quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm dịch vụ quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5630
61.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	7730
63.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
67.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
68.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	3311
69.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

71.	Tái chế phế liệu	3830
72.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
73.	Xây dựng nhà ở	4101
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò phá bom, mìn)	4311
80.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò phá bom, mìn)	4312
81.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4741
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
85.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ VIỆT TRINH	Việt Nam	Khu phố Thống Nhất, Thị Trấn Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	1.200.000.000	30,000	017195010169	
2	PHẠM TÙNG LINH	Việt Nam	Khu phố Thống Nhất, Thị Trấn Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	2.800.000.000	70,000	017093004180	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: PHẠM TÙNG LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017093004180

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Thống Nhất, Thị trấn Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Thống Nhất, Thị trấn Hàng Trạm, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội